

Số: 1588/TB-ĐHKT

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2025

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đại học chính quy năm 2025

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học năm 2022 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư sửa đổi, bổ sung số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19/03/2025;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học chính quy tại Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 1868/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/04/2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 2457/BGDĐT-GDDH ngày 19/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1363/QĐ-ĐHKT ngày 19/05/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1025/QĐ-ĐHQGHN ngày 28/02/2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh đại học năm 2025;

Căn cứ Công văn số 2566/ĐHQGHN-ĐT&CTSV ngày 22/05/2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc hướng dẫn thực hiện công tác tuyển sinh đại học chính quy năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 4681/QĐ-ĐHKT ngày 18/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc ban hành chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao;

Căn cứ Quyết định số 1268/QĐ-ĐHKT ngày 28/04/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2025 và Quyết định điều chỉnh số 1586/QĐ-ĐHKT ngày 23/05/2025;

Trường Đại học Kinh tế thông báo tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 như sau:

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển chung

(1) Đối tượng dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển (trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức), bao gồm:

a) Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của

Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- b) Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

(2) Đối tượng dự tuyển quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định;
- b) Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- c) Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

(3) Trường Đại học Kinh tế (ĐHKT) có quy định cụ thể về đối tượng dự tuyển cho mỗi phương thức tuyển sinh.

(4) Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Trường ĐHKT sẽ xem xét hỗ trợ thí sinh được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh và trong khả năng cho phép của Nhà trường.

2. Các phương thức tuyển sinh

2.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước

2.1.1. Các phương thức tuyển sinh

STT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Mô tả
1		Xét tuyển thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	
	100	- Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo 8 tổ hợp xét tuyển (D01, A01, D09, D10, C01, C03, C04, X01) và theo thang điểm 30
		- Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp điểm 2 môn còn lại của kỳ thi tốt nghiệp THPT (trừ Tiếng Anh) năm 2025 thuộc 4 tổ hợp xét tuyển (D01, A01, D09, D10) theo thang điểm 30
2	410	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập 6 học kỳ bậc THPT của 2 môn còn lại (trừ Tiếng Anh) thuộc 4 tổ

STT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Mô tả
			hợp xét tuyển (D01, A01, D09, D10) theo thang điểm 30
3	402	Xét tuyển kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức	Xét tuyển kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức theo thang điểm 150 được quy đổi về thang điểm 30 theo công thức quy đổi của ĐHQGHN
4	301	Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT	Xét tuyển thẳng thí sinh theo quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT
5	501	Xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao	Xét tuyển theo thang điểm 100 và quy đổi về thang điểm 30 theo 2 phương thức: (1) Xét tuyển các thành tích thi đấu thể thao (2) Xét tuyển các thành tích thi đấu thể thao kết hợp phỏng vấn
6		Xét tuyển dự bị đại học và lưu học sinh	
	502	- Xét tuyển dự bị đại học	Kết quả trung bình chung các môn học chính khóa trong chương trình dự bị đại học: đạt từ 7.0 trở lên (<i>trong đó môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh đạt từ 7.0 trở lên</i>).
	411	- Xét tuyển lưu học sinh	Xét tuyển lưu học sinh theo Quy định của ĐHQGHN

*** Lưu ý:**

Nhà trường sử dụng **8 tổ hợp xét tuyển** sau:

A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh)	D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh)
D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh)	D10 (Toán, Địa lý, Tiếng Anh)
C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý)	C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử)
C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý)	X01 (Toán, Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật)

2.1.2. Cộng điểm thưởng

STT	Phương thức tuyển sinh	Mô tả
1	Chứng chỉ quốc tế khác	
	- Kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT	

STT	Phương thức tuyển sinh	Mô tả
	- Kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT	Quy định mức điểm cộng theo khoảng và cộng vào phương thức tuyển sinh kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
	- Chứng chỉ A-level	
2	Ưu tiên xét tuyển	
	- Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD&ĐT - Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN	Cộng điểm theo thang điểm 30 (theo mức quy đổi từ thành tích) vào phương thức tuyển sinh kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025

2.2. Tuyển sinh đại học chính quy liên kết đào tạo với nước ngoài

STT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Mô tả
1	410	Xét tuyển Kết hợp kết quả học tập bậc THPT với chứng chỉ quốc tế	Xét tuyển thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 kết hợp với kết quả học tập bậc THPT
2	200	Xét tuyển kết quả học tập bậc THPT	Xét tuyển kết hợp kết quả học tập trung bình chung bậc THPT và tổng điểm 3 môn học cả năm lớp 12 thuộc 9 tổ hợp (A01, D01, D09, D10, C01 C03, C04, X01, D08) và kết quả chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế
3	415	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-LEVEL	Xét tuyển thí sinh có kết quả bài thi ACT đạt tối thiểu điểm 20/36; SAT đạt từ 1050/1600 điểm trở lên; Chứng chỉ A/AS Level (tiêu chí xét tuyển chi tiết tại phương thức tuyển sinh)
4	411	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT tại nước ngoài	Thí sinh là người Việt Nam có bằng Tốt nghiệp THPT do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được xét tuyển vào học khi văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Yêu cầu điểm trung bình chung của

STT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức tuyển sinh	Mô tả
			mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0)
5	100	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 theo 8 tổ hợp xét tuyển (D01, A01, D09, D10, C01, C03, C04, X01) và theo thang điểm 30
6	402	Xét kết quả thi 'Đánh giá năng lực' do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	Xét tuyển thí sinh có kết quả thi 'Đánh giá năng lực' do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức cần đạt 80/150 điểm trở lên.

3. Chỉ tiêu

* Năm 2025, Trường ĐHKT tuyển sinh 6 ngành đào tạo với 9 chương trình đào tạo theo các phương thức tuyển sinh sau:

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
I	Tuyển sinh đại học chính quy trong nước					
1	Ngành Quản trị kinh doanh					
1.1.	734010101	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh , Ngành Quản trị kinh doanh, Nhóm ngành Kinh doanh	7340101, 73401	Ngành Quản trị kinh doanh (bao gồm 04 chuyên ngành sau: - Quản trị kinh doanh và phát triển doanh nghiệp - Quản trị Marketing, Truyền thông và Thương hiệu - Quản trị nhân lực - Quản trị kinh doanh khách sạn và lữ hành) Nhóm ngành Kinh doanh	360	Chi tiết phương thức tuyển sinh tại mục 2.1 (trừ tuyển sinh ngành QTKD dành cho các tài năng thể thao)
1.2.	734010106	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao , Ngành Quản trị kinh doanh, Nhóm ngành Kinh doanh	7340101, 73401	Ngành Quản trị kinh doanh , Nhóm ngành Kinh doanh	50	- Xét tuyển - Xét tuyển kết hợp phỏng vấn
2	Ngành Tài chính – Ngân hàng					
	7340201	Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng , Ngành Tài chính – Ngân hàng, Nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	7340201, 73402	Ngành Tài chính – Ngân hàng (bao gồm 04 chuyên ngành sau: - Tài chính doanh nghiệp - Ngân hàng và công nghệ tài chính - Quản trị rủi ro và bảo hiểm - Tài chính và đầu tư) Nhóm ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm	500	Chi tiết phương thức tuyển sinh tại mục 2.1

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
3	Ngành Kế toán					
	7340301	Cử nhân ngành Kế toán, Ngành Kế toán, Nhóm ngành Kế toán – Kiểm toán	7340301, 73403	Ngành Kế toán (<i>bao gồm 03 chuyên ngành sau:</i> - Kế toán định hướng nghề nghiệp quốc tế - Kiểm toán - Phân tích kinh doanh) Nhóm ngành Kế toán – Kiểm toán	330	Chi tiết phương thức tuyển sinh tại mục 2.1
4	Ngành Kinh tế quốc tế					
	7310106	Cử nhân ngành Kinh tế quốc tế, Ngành Kinh tế quốc tế, Nhóm ngành Kinh tế học	7310106, 73101	Ngành Kinh tế quốc tế (<i>bao gồm 03 chuyên ngành sau:</i> - Thương mại quốc tế - Kinh doanh quốc tế và phát triển thị trường toàn cầu - Logistics và Chuỗi cung ứng toàn cầu) Nhóm ngành Kinh tế học	510	Chi tiết phương thức tuyển sinh tại mục 2.1
5	Ngành Kinh tế					
	7310101	Cử nhân ngành Kinh tế, Ngành Kinh tế, Nhóm ngành Kinh tế học	7310101, 73101	Ngành Kinh tế (<i>bao gồm 04 chuyên ngành sau:</i> - Kinh tế chính trị và Ngoại giao - Kinh tế truyền thông và báo chí - Kinh tế số và quản lý - Quản lý kinh tế) Nhóm ngành Kinh tế học	400	Chi tiết phương thức tuyển sinh tại mục 2.1

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
6	Ngành Kinh tế phát triển					
	7310105	Cử nhân ngành Kinh tế phát triển, Ngành Kinh tế phát triển, Nhóm ngành Kinh tế học	7310105, 73101	Ngành Kinh tế phát triển <i>(bao gồm 05 chuyên ngành sau:</i> - Kinh tế du lịch và dịch vụ - Kinh tế Tài nguyên, Môi trường và Bất động sản - Phân tích dữ liệu kinh tế và chính sách - Kinh tế đầu tư và phát triển - Hệ thống thông tin kinh tế và khoa học dữ liệu) Nhóm ngành Kinh tế học	350	Chi tiết phương thức tuyển sinh tại mục 2.1
	Tổng I				2500	
II	Tuyển sinh đại học chính quy liên kết đào tạo với nước ngoài					
1	Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học Troy cấp bằng)					
	734010168	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh (do ĐH Troy – Hoa Kỳ cấp bằng)	7340101, 73401	Ngành Quản trị kinh doanh <i>(có 02 định hướng chuyên sâu sau:</i> - Quản lý (Management) - Phân tích dữ liệu (Data Analytics) Nhóm ngành Kinh doanh	150	
2	Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học St.Francis cấp bằng)					
	734010198	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh (do ĐH St.Francis – Hoa Kỳ cấp bằng)	7340101, 73401	Ngành Quản trị kinh doanh <i>(bao gồm 05 chuyên ngành sau:</i> - Chuyên ngành kép (double majors): Kinh doanh quốc tế và Quản trị chuỗi cung ứng; hoặc: - Chuyên ngành Marketing - Chuyên ngành Tài chính - Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế - Chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng) Nhóm ngành Kinh doanh	350	
	Tổng II				500	

*** Chỉ tiêu xét tuyển thẳng (theo Điều 8 của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT)**

STT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1	Ngành Quản trị kinh doanh	5
2	Ngành Tài chính – Ngân hàng	5
3	Ngành Kế toán	5
4	Ngành Kinh tế quốc tế	10
5	Ngành Kinh tế	5
6	Ngành Kinh tế phát triển	5
	Tổng	35

*** Chỉ tiêu xét tuyển dự bị đại học**

STT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu
1	Ngành Quản trị kinh doanh	2
2	Ngành Tài chính – Ngân hàng	2
3	Ngành Kế toán	2
4	Ngành Kinh tế quốc tế	2
5	Ngành Kinh tế	2
6	Ngành Kinh tế phát triển	2
	Tổng	12

4. Điều kiện dự tuyển

4.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước

4.1.1. Điều kiện chung

* *Số nguyện vọng đăng ký*: Không giới hạn nguyện vọng

* *Thời hạn chứng chỉ, kết quả, giải thưởng (Đối với phương thức sử dụng chứng chỉ, kết quả, giải thưởng)*:

STT	Kết quả thi/chứng chỉ/giải thưởng	Thời hạn
1	Kết quả thi ĐGNL/các chứng chỉ quốc tế (IELTS/TOEFL iBT/ SAT/ACT/A-Level)	Còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm tính từ ngày dự thi đến ngày đăng ký xét tuyển
2	Giải thưởng xét tuyển thẳng/ưu tiên xét tuyển	Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển

- *Yêu cầu của chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (Đối với phương thức sử dụng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế)*:

STT	Nội dung	IELTS	TOEFL iBT
1	Đơn vị cấp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	British Council (BC)/hoặc International Development Program (IDP) cấp	Educational Testing Service (ETS) cấp
2	Hình thức thi của chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	Thí sinh không sử dụng chứng chỉ tiếng Anh thi trực tuyến để đăng ký xét tuyển	
3	Loại chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (IELTS)	IELTS Academic	
4	Yêu cầu điểm của 4 kỹ năng chứng chỉ tiếng Anh quốc tế	Nghe/Nói/Đọc/Viết: tối thiểu 4.5/kỹ năng	Nghe/Nói/Đọc/Viết: tối thiểu 15/kỹ năng

4.1.2. Điều kiện dự tuyển theo các phương thức tuyển sinh

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
1	Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	
	* Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	- Thí sinh sử dụng 08 tổ hợp xét tuyển: D01 (Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh), A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh), D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh), D10 (Toán, Địa lý, Tiếng Anh), C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý), C03 (Toán, Ngữ Văn, Lịch sử), C04 (Toán, Ngữ Văn, Địa lý), X01 (Toán, Ngữ Văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật) - Thang điểm xét tuyển: thang điểm 30 - Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (<i>Nhà trường công bố sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025</i>)
	* Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT 2025	- Thí sinh sử dụng điểm quy đổi từ chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế kết hợp với 02 môn còn lại trong 04 tổ hợp xét tuyển: (D01 gồm: Toán, Ngữ Văn; A01 gồm: Toán, Vật lý; D09 gồm: Toán, Lịch sử; D10 gồm: Toán, Địa lý) - Thí sinh sử dụng chứng chỉ IELTS đạt từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT đạt từ 72 trở lên (<i>chi tiết tại **Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10</i>) - Thang điểm xét tuyển: thang điểm 30 - Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (theo quy định của Nhà trường).
2	Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT	- Thí sinh sử dụng điểm quy đổi từ chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế kết hợp với kết quả học tập trung bình 6 học kỳ bậc THPT của 2 môn còn lại trong 4 tổ hợp xét tuyển (D01 gồm: Toán, Ngữ Văn; A01 gồm: Toán, Vật lý; D09 gồm: Toán, Lịch sử; D10 gồm: Toán, Địa lý) - Thí sinh cần đáp ứng 1 trong 2 điều kiện kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 như sau: (1) Đạt tối thiểu 8 điểm môn Toán trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (2) Điểm 2 môn (Toán, Ngữ văn) đạt tối thiểu 15 điểm trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
		- Thí sinh sử dụng chứng chỉ IELTS đạt từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT đạt từ 72 trở lên (<i>chi tiết tại **Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10</i>) - Thang điểm xét tuyển: thang điểm 30. - Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (theo quy định của Nhà trường)
3	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực (ĐGNL) học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức	- Thí sinh sử dụng kết quả thi ĐGNL (HSA) do ĐHQGHN tổ chức - Thang điểm xét tuyển: Xét tuyển theo thang điểm 150. Sau đó quy về thang 30 và cộng điểm ưu tiên theo quy định theo công thức quy đổi chuẩn của ĐHQGHN (<i>chi tiết tại Phụ lục 1: Bảng quy đổi điểm trúng tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức (HSA) về điểm trúng tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024</i>) - Đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do ĐHQGHN quy định
4	Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thí sinh được xét tuyển thẳng theo ngành phù hợp với môn thi <i>hoặc</i> nội dung đề tài đạt giải khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau: (1) Tiêu chí 1: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế (<i>môn thi thuộc các tổ hợp xét tuyển của Nhà trường</i>); (2) Tiêu chí 2: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc tế (<i>có tên đề tài thuộc 1 trong 2 lĩnh vực: Kinh doanh và Quản lý hoặc Khoa học xã hội và hành vi</i>); (3) Tiêu chí 3: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (<i>môn thi thuộc các tổ hợp xét tuyển của Nhà trường</i>); (4) Tiêu chí 4: Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (<i>có tên đề tài thuộc 1 trong 2 lĩnh vực: Kinh doanh và Quản lý hoặc Khoa học xã hội và hành vi</i>);
5	Xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao	5.1. Điều kiện đầu vào tiếng Anh Thí sinh cần đáp ứng điều kiện đầu vào tiếng Anh theo các đối tượng như sau: * Đối với thí sinh học tiếng Anh bậc THPT: Thí sinh cần đáp ứng 1 trong 2 điều kiện sau:

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
		(1) Điểm trung bình chung môn tiếng Anh 6 học kỳ bậc THPT đạt từ 6.5 trở lên (<i>thí sinh nộp bản sao hợp lệ học bạ bậc THPT</i>); (2) Điểm thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT đạt từ 6.5 trở lên (<i>thí sinh nộp bản sao hợp lệ Giấy xác nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT</i>); * Đối với thí sinh không học môn tiếng Anh bậc THPT: Thí sinh cần đáp ứng một trong hai điều kiện sau: (1) Thí sinh cần có chứng chỉ tiếng Anh trình độ A2, chứng chỉ VSTEP <i>hoặc</i> tương đương theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (còn hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày đăng ký xét tuyển). (2) Đối với thí sinh không đáp ứng các điều kiện trên: Thí sinh cần tham gia phỏng vấn kiểm tra môn tiếng Anh đầu vào (<i>Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định tổ chức phỏng vấn hoặc không tổ chức phỏng vấn căn cứ vào số lượng thí sinh thực tế</i>); mức đạt là mức điểm 50/100 (theo thang điểm 100). 5.2. Thí sinh đáp ứng một trong các điều kiện sau: - <i>Điều kiện nhận hồ sơ phương thức xét tuyển hồ sơ:</i> Thí sinh là thành viên đội tuyển quốc gia, được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Cục thể dục thể thao <i>hoặc</i> các Liên đoàn thể thao quốc gia xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ tham gia thi đấu trong các giải quốc tế chính thức theo cấp độ, quy mô giải như sau: (1) Vô địch thế giới; (2) Cúp thế giới; (3) Thể vận hội Olympic; (4) Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD); (5) Đại hội Olympic trẻ; (6) Giải vô địch Châu Á; (7) Cúp Châu Á; (8) Giải vô địch Đông Nam Á; (9) Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games); Mình chứng là một trong những hồ sơ sau: (1) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đạt huy chương; (2) Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu;

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
		(3) Bản sao hợp lệ Quyết định khen thưởng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Cục Thể dục Thể thao; <i>- Điều kiện nhận hồ sơ xét tuyển phương thức xét tuyển hồ sơ kết hợp phỏng vấn</i> (1) Thí sinh là vận động viên đã từng đạt huy chương <i>tại một trong các giải thể thao sau</i>: các giải thể thao học sinh phổ thông cấp tỉnh, thành phố; giải trẻ cấp tỉnh, thành phố; Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, thành phố và toàn quốc; đại hội thể thao toàn quốc; các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia, quốc tế; (2) Thí sinh là vận động viên nước ngoài đã từng đạt huy chương tại các giải thể thao của thành phố, bang, quốc gia; <i>Minh chứng giải thưởng là một trong những hồ sơ sau:</i> (1) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đạt huy chương/đạt giải; (2) Bản sao hợp lệ Giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ thi đấu; (3) Bản sao hợp lệ Quyết định khen thưởng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Cục Thể dục Thể thao/Sở văn hóa, thể thao và du lịch cấp tỉnh, thành phố;
6	Xét tuyển dự bị đại học và lưu học sinh	
6.1	Xét tuyển dự bị đại học	Thí sinh đáp ứng điều kiện sau: - Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (của 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển A01, D01, D09, D10): đạt từ 23.5 trở lên - Kết quả trung bình chung các môn học chính khóa trong chương trình dự bị đại học: đạt từ 7.0 trở lên (<i>trong đó môn Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh đạt từ 7.0 trở lên</i>). - Kết quả rèn luyện cả năm dự bị đại học: <i>loại Tốt trở lên</i>
6.2	Xét tuyển lưu học sinh	1. Lưu học sinh: Thí sinh đáp ứng các tiêu chí sau:

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
		- Tốt nghiệp trung học phổ thông <i>hoặc</i> tương đương (được Việt Nam công nhận), đáp ứng yêu cầu tuyển sinh của ĐHQGHN và của Trường Đại học Kinh tế; - Lưu học sinh đăng kí theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Việt cần đáp ứng một trong các yêu cầu sau: + Có chứng chỉ tiếng Việt tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài được cấp bởi các cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép; + Có bằng tốt nghiệp đại học ngành/chuyên ngành tiếng Việt; + Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông/trung cấp/cao đẳng/đại học/thạc sĩ/tiến sĩ mà ngôn ngữ sử dụng trong học tập là tiếng Việt; - Có đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu tại Việt Nam. Sau khi đến Việt Nam, lưu học sinh phải kiểm tra sức khỏe tại bệnh viện ĐHQGHN hoặc tại các cơ sở y tế do đơn vị đào tạo chỉ định. Trường hợp mắc các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không đủ sức khỏe để học tập thì phải về nước; - Có đủ khả năng về tài chính đảm bảo học tập, nghiên cứu, thực tập và sinh hoạt tại Việt Nam trong thời gian tương ứng; - Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, không vi phạm pháp luật của Việt Nam và nước sở tại; cam kết nhập cảnh đúng mục đích học tập; 2. Thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương ở nước ngoài có kết quả học tập 3 môn học cấp THPT theo tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của ngành để học (<i>điểm các môn học xét tuyển tương đương với yêu cầu xét tuyển thí sinh có chứng chỉ A-Level: Mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60)</i>) kết hợp với kiểm tra kiến thức chuyên môn và năng lực Tiếng Việt hoặc năng lực ngôn ngữ (<i>tùy theo yêu cầu của ngành học để xét tuyển</i>) đáp ứng quy định của Bộ GDĐT và của ĐHQGHN.

* Lưu ý:

(1) Bảng quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế sang thang điểm 10

**** BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH QUỐC TẾ SANG THANG ĐIỂM 10**

STT	Trình độ IELTS	Trình độ TOEFL iBT	Quy đổi điểm chứng chỉ tiếng Anh quốc tế theo thang điểm 10
1	5.5	72-78	8.5
2	6.0	79-87	9.0
3	6.5	88-95	9.5
4	7.0 – 9.0	96-120	10

(2) Bảng quy đổi điểm A-Level sang phần trăm (%)

Thang điểm A-Level	Thang điểm phần trăm %
A*	90 – 100
A	80 – 89
B	70 - 79
C	60 – 69

4.1.3. Điều kiện cộng điểm thưởng

STT	Chứng chỉ quốc tế/giải thưởng	Điều kiện cộng điểm thưởng
1	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác	
	* Xét tuyển kết quả SAT	- Thí sinh sử dụng kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT đạt điểm từ 1100/1600 trở lên. - Khai báo mã đăng ký 7853-Vietnam National University-Hanoi - Xét tuyển: Cộng điểm thưởng vào phương thức tuyển sinh kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
	* Xét tuyển kết quả ACT	- Thí sinh sử dụng kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT đạt điểm từ 22/36 (điểm thành phần: môn Toán $\geq 35/60$; môn Khoa học $\geq 22/40$).

STT	Chứng chỉ quốc tế/giải thưởng	Điều kiện cộng điểm thưởng
		- Xét tuyển: Cộng điểm thưởng vào phương thức tuyển sinh kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
	<i>* Xét tuyển chứng chỉ A-Level</i>	Thí sinh sử dụng chứng chỉ của Trung tâm Khảo thí Đại học Cambridge (Anh): - Mỗi môn thi đạt từ 60/100 điểm trở lên (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60). Chi tiết tại Bảng quy đổi điểm A-Level sang phần trăm (%) - Xét tuyển: Cộng điểm thưởng vào phương thức tuyển sinh kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025
2	Ưu tiên xét tuyển	Thí sinh xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và lựa chọn một trong các thành tích sau để được cộng điểm thưởng khi xét tuyển:
2.1	<i>Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD&ĐT</i>	1. Thí sinh thuộc mục 5 nêu trên (<i>Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng)</i>) 2. Thí sinh đạt giải: Thí sinh đáp ứng 1 trong 2 tiêu chí sau: (1) Tiêu chí 1: Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia gia (<i>môn thi thuộc các tổ hợp xét tuyển của Nhà trường</i>); (2) Tiêu chí 2: Thí sinh đạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (<i>có tên đề tài thuộc 1 trong 2 lĩnh vực: Kinh doanh và quản lý hoặc Khoa học xã hội và hành vi</i>);
2.2	Ưu tiên xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN	1. Học sinh THPT toàn quốc được ưu tiên xét tuyển vào bậc đại học tại ĐHQGHN nếu tốt nghiệp THPT, có kết quả học tập cả 3 năm bậc THPT được đánh giá mức tốt (học lực loại Giỏi trở lên) và đáp ứng một trong các tiêu chí sau: (1) Tiêu chí 1: Đạt giải nhất, nhì, ba trong các Kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN (<i>môn thi thuộc các tổ hợp xét tuyển của Nhà trường</i>); (2) Tiêu chí 2: Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN (<i>môn thi thuộc các tổ hợp xét tuyển của Nhà trường</i>);

STT	Chứng chỉ quốc tế/giải thưởng	Điều kiện cộng điểm thưởng
		(3) <i>Tiêu chí 3</i>: Đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương (<i>môn thi thuộc các tổ hợp xét tuyển của Nhà trường</i>); 2. Học sinh tham gia Chương trình VNU 12+ và tích lũy trước tối thiểu 3 học phần trong chương trình đào tạo đại học, trong đó có tối thiểu 2 học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức theo khối ngành, nhóm ngành hoặc khối kiến thức ngành và đáp ứng các tiêu chí khác được quy định tại Quyết định số 2008/QĐ-ĐHQGHN ban hành ngày 16/05/2024 của Giám đốc ĐHQGHN về việc ban hành Quy định đào tạo thí điểm Chương trình ương tạo tài năng từ bậc THPT tại ĐHQGHN được ưu tiên xét tuyển vào bậc đại học theo ngành, chương trình đào tạo phù hợp.

4.2. Tuyển sinh đại học chính quy liên kết đào tạo với nước ngoài

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
I. Chương trình Cử nhân Quản trị kinh doanh (do ĐH Troy – Hoa Kỳ cấp bằng)		
1	Xét tuyển Kết hợp kết quả học tập bậc THPT với chứng chỉ quốc tế	Thí sinh thỏa mãn 02 điều kiện: - Điều kiện 1: Điểm trung bình chung 4/6 học kỳ ở bậc THPT đạt tối thiểu 8,0 theo thang điểm 10 (hoặc 3.5 theo thang điểm 4.0). Hai học kỳ còn lại đạt 7,0 theo thang điểm 10 (hoặc 3.0 theo thang điểm 4) trở lên; - Điều kiện 2: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.
2	Xét kết quả học tập THPT	Thí sinh thỏa mãn 03 điều kiện: - Điều kiện 1: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0); - Điều kiện 2: Tổng điểm trung bình 3 môn học cả năm lớp 12 của 1 trong 9 tổ hợp sau đạt 21.0

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
		điểm trở lên: A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh); D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh); D10 (Toán, Địa lý, Tiếng Anh); C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý); C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử); C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý); X01 (Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật); D08 (Toán, Sinh học, Tiếng Anh). - Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ. <i>* Đối với thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào theo yêu cầu của chương trình yêu cầu điểm môn tiếng Anh năm lớp 12 đạt tối thiểu là 7,0/10 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Tiếng Anh đạt tối thiểu 6.5/10</i>
3	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-LEVEL	a, Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có một trong các chứng chỉ quốc tế khi tham gia các bài thi đánh giá năng lực sau (còn trong khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ) được xét tuyển vào chương trình và không phải nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: - Bài thi ACT đạt tối thiểu điểm 20/36 (trong đó điểm thành phần tiếng Anh tối thiểu là 18); - Bài thi SAT đạt từ 1050/1600 điểm trở lên (trong đó điểm đọc và viết không dưới 480, chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển); - Chứng chỉ A Level do Cambridge International Examination (CIE) cấp với kết quả 3 môn học theo các khối xét tuyển tương ứng (các môn: Toán – Tiếng Anh – Vật lý – Hóa – Sinh ...) đạt điểm C trở lên.
4	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT tại nước ngoài	Thí sinh là người Việt Nam có bằng Tốt nghiệp THPT do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được xét tuyển vào học khi văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Yêu cầu điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0)

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
5	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Thí sinh thỏa mãn 03 điều kiện: - Điều kiện 1: Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của 1 trong 8 tổ hợp xét tuyển: A01/D01/D09/D10/C01/C03/C04/X01 đạt ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN áp dụng cho Chương trình BSBA-TROY và điểm trung bình chung các môn thi tốt nghiệp THPT đạt 5,0 trở lên (không có điểm liệt các môn) - Điều kiện 2: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0). - Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ. <i>* Đối với thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào theo yêu cầu của chương trình yêu cầu điểm môn tiếng Anh năm lớp 12 đạt tối thiểu là 7,0/10 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Tiếng Anh đạt tối thiểu 6.5/10.</i>
6	Xét kết quả thi ‘Đánh giá năng lực’ do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	Thí sinh thỏa mãn 03 điều kiện: - Điều kiện 1: Thí sinh có kết quả thi ‘Đánh giá năng lực’ do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức cần đạt 80/150 điểm trở lên (còn trong khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ). - Điều kiện 2: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0). - Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ. <i>* Đối với thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào theo yêu cầu của chương trình yêu cầu điểm môn tiếng Anh năm lớp 12 đạt tối thiểu là 7,0/10 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn</i>

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
		<i>Tiếng Anh đạt tối thiểu 6.5/10.</i>
II. Chương trình Cử nhân Quản trị kinh doanh (do ĐH St.Francis – Hoa Kỳ cấp bằng)		
1	Xét tuyển Kết hợp kết quả học tập bậc THPT với chứng chỉ quốc tế	Thí sinh thỏa mãn 02 điều kiện: - Điều kiện 1: Điểm trung bình chung 5/6 học kỳ ở bậc THPT đạt tối thiểu 8,0 theo thang điểm 10 (hoặc 3.5 theo thang điểm 4.0). Học kỳ còn lại đạt từ 7,0 theo thang điểm 10 (hoặc 3.0 theo thang điểm 4.0) trở lên; - Điều kiện 2: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ.
2	Xét kết quả học tập THPT	Thí sinh thỏa mãn 03 điều kiện: - Điều kiện 1: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0); - Điều kiện 2: Tổng điểm trung bình 3 môn học cả năm lớp 12 của 1 trong 9 tổ hợp sau đạt 21.0 điểm trở lên: A01 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh); D01 (Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh); D09 (Toán, Lịch sử, Tiếng Anh); D10 (Toán, Địa lý, Tiếng Anh); C01 (Toán, Ngữ văn, Vật lý); C03 (Toán, Ngữ văn, Lịch sử); C04 (Toán, Ngữ văn, Địa lý); X01 (Toán, Ngữ văn, Giáo dục kinh tế và pháp luật); D08 (Toán, Sinh học, Tiếng Anh). - Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ. <i>* Đối với thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào theo yêu cầu của chương trình yêu cầu điểm môn tiếng Anh năm lớp 12 đạt tối thiểu là 7,0/10 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Tiếng Anh đạt tối thiểu 6.5/10</i>
3	Xét tuyển chứng chỉ	a, Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và có một trong các chứng chỉ quốc tế khi tham gia các bài thi đánh

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
	quốc tế SAT, ACT, A-LEVEL	giá năng lực sau (còn trong khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ) được xét tuyển vào chương trình và không phải nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: - Bài thi ACT đạt tối thiểu điểm 20/36 (trong đó điểm thành phần tiếng Anh tối thiểu là 18); - Bài thi SAT đạt từ 1050/1600 điểm trở lên (trong đó điểm đọc và viết không dưới 480, chứng chỉ còn hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển); - Chứng chỉ A Level do Cambridge International Examination (CIE) cấp với kết quả 3 môn học theo các khối xét tuyển tương ứng (các môn: Toán – Tiếng Anh – Vật lý – Hóa – Sinh ...) đạt điểm C trở lên.
4	Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT tại nước ngoài	Thí sinh là người Việt Nam có bằng Tốt nghiệp THPT do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được xét tuyển vào học khi văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Yêu cầu điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0)
5	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025	Thí sinh thỏa mãn 03 điều kiện: - Điều kiện 1: Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 của 1 trong 8 tổ hợp xét tuyển: A01/D01/D09/D10/C01/C03/C04/X01 đạt ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN áp dụng cho Chương trình BBA-USF và điểm các môn thi tốt nghiệp THPT đạt 5,0 trở lên. - Điều kiện 2: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0). - Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ. <i>* Đối với thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào theo yêu cầu của chương trình yêu cầu điểm</i>

STT	Phương thức tuyển sinh	Điều kiện dự tuyển
		<i>môn tiếng Anh năm lớp 12 đạt tối thiểu là 7,0/10 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Tiếng Anh đạt tối thiểu 6.5/10.</i>
6	Xét kết quả thi ‘Đánh giá năng lực’ do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức	Thí sinh thỏa mãn 03 điều kiện: - Điều kiện 1: Thí sinh có kết quả thi ‘Đánh giá năng lực’ do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức cần đạt 80/150 điểm trở lên (còn trong khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày dự thi tính đến ngày nộp hồ sơ). - Điều kiện 2: Điểm trung bình chung của mỗi năm học ở bậc THPT đạt tối thiểu 6,5 theo thang điểm 10 (hoặc 2.5 theo thang điểm 4.0). - Điều kiện 3: Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (VSTEP): IELTS 5.5; TOEFL iBT 72 còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ. <i>* Đối với thí sinh chưa có chứng chỉ ngoại ngữ đầu vào theo yêu cầu của chương trình yêu cầu điểm môn tiếng Anh năm lớp 12 đạt tối thiểu là 7,0/10 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 môn Tiếng Anh đạt tối thiểu 6.5/10.</i>

Ghi chú:

- Sinh viên thuộc các trường hợp trúng tuyển có điều kiện sẽ được kiểm tra, đánh giá trình độ tiếng Anh để xếp lớp học bổ sung kiến thức tiếng Anh và luyện thi lấy chứng chỉ đạt trình độ theo yêu cầu. Thời gian yêu cầu nộp được chứng chỉ tiếng Anh là không quá 01 năm kể từ khi có thông báo trúng tuyển có điều kiện.

- Thí sinh có các chứng chỉ Tiếng Anh đạt tối thiểu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam (VSTEP) hoặc tương đương (còn trong thời hạn 2 năm tính đến ngày nộp hồ sơ) theo danh mục được Bộ GD-ĐT Việt Nam công nhận sẽ được đăng ký học các môn do Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN đảm nhiệm. Thí sinh phải nộp được chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt tối thiểu IELTS 5.5, TOEFL iBT 72 hoặc tương đương trước khi đăng ký học phần do Đại học St.Francis đảm nhiệm (trừ các trường hợp được Đại học St.Francis chấp nhận, bao gồm các thí sinh có chứng chỉ quốc tế ACT, SAT hoặc A/AS Level ...như nêu trong ‘Xét điểm các bài thi đánh giá năng lực khác).

5. Chính sách ưu tiên

5.1. Nguyên tắc chung

a. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025:

- **Điểm cộng bao gồm:** điểm thưởng đối với thí sinh có thành tích đặc biệt/hoặc thí sinh có chứng chỉ quốc tế SAT, ACT, A-Level (*chi tiết tại mục 5.2*) + **điểm ưu tiên khu vực, đối tượng** (*chi tiết tại mục 5.3*).

- Tổng điểm cộng: không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm 30 (*tối đa 3.0 điểm*). Mỗi thí sinh đều có cơ hội đạt mức điểm tối đa của thang điểm xét, nhưng không thí sinh nào có điểm xét (*tính cả các loại điểm cộng, điểm ưu tiên*) vượt quá mức điểm tối đa này. Thí sinh đạt nhiều thành tích, có nhiều điểm cộng nhưng chỉ được tính 01 lần với mức điểm/thành tích cao nhất.

- Điểm thưởng được cộng trước khi cộng điểm ưu tiên (*ưu tiên khu vực, đối tượng*) để đảm bảo thống nhất, đồng bộ theo đúng quy định tại Điều 7 của Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

b. PTXT kết quả đánh giá năng lực, PTXT chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT, PTXT ngành QTKD dành cho các tài năng thể thao:

- Điểm ưu tiên bao gồm: điểm ưu tiên khu vực + đối tượng (*chi tiết tại mục 5.2*)

- Tổng điểm ưu tiên: không vượt quá 10% của thang điểm 30

5.2. Điểm thưởng

5.2.1. Điểm thưởng thành tích đặc biệt theo Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN (gọi tắt là điểm thưởng ưu tiên xét tuyển)

5.2.1.1. Đối tượng và điều kiện được cộng điểm

Thí sinh xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và lựa chọn một thành tích cao nhất trong các thành tích quy định *tại số thứ tự 6 - Ưu tiên xét tuyển thuộc mục 1.2.1.2 Phần II (Điều kiện dự tuyển)* để được cộng điểm ưu tiên xét tuyển.

5.2.1.2. Cách tính điểm thưởng ưu tiên xét tuyển

Điểm thưởng ưu tiên xét tuyển được cộng vào tổng điểm xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 sau khi đã quy đổi điểm từ thành tích sang điểm cộng thang 30 theo các cấp độ như sau:

5.2.1.2.1. Điểm thưởng các thành tích (theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN)

STT	Giải	(1) Giải cấp quốc gia (theo Quy chế Bộ GD&ĐT)	(2) Giải Olympic bậc THPT cấp ĐHQGHN	(3) Giải học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN	(4) Giải học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương
1	Nhất	3 điểm	2.5 điểm	2.5 điểm	2.5 điểm
2	Nhì	2.5 điểm	2.0 điểm	2.0 điểm	2.0 điểm
3	Ba	2.0 điểm	1.5 điểm	1.5 điểm	1.5 điểm
4	Khuyến khích	1.5 điểm	1.0 điểm	1.0 điểm	1.0 điểm

5.2.1.2.2. Điểm thưởng thí sinh tham gia Chương trình VNU 12+

STT	Kết quả học tập	Điểm cộng
1	Xuất sắc	2.5 điểm
2	Giỏi	2.0 điểm
3	Khá	1.5 điểm

5.2.2. Điểm thưởng chứng chỉ quốc tế (SAT, ACT, A-Level)

STT	Mức điểm cộng	SAT	ACT	A-Level
1	2 điểm	1520/1600 trở lên	34/36 trở lên	3 điểm A* trở lên
2	1.5 điểm	1440/1600 trở lên	32/36 trở lên	1 điểm A* trở lên + 2 điểm A trở lên
3	1 điểm	1376/1600	30/36 trở lên	3 điểm A trở lên

5.3. Điểm Ưu tiên khu vực, đối tượng

5.3.1. Nguyên tắc cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng

Trường ĐHKHT áp dụng cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng như sau:

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực: khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

- Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng: nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 04) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 05 đến 07) là 1,0 điểm;

- Các mức điểm ưu tiên tương ứng với tổng điểm 3 môn (trong tổ hợp môn xét tuyển) theo thang điểm 10 đối với từng môn thi (không nhân hệ số);

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7.5] x Mức điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương theo thang điểm 30;

- Thí sinh chỉ được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp;

5.3.2. Cách tính điểm ưu tiên khu vực, đối tượng

Nhà trường áp dụng cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng đối với các phương thức xét tuyển cụ thể như sau:

Các phương thức xét tuyển (tại mục 7.1) sử dụng quy đổi điểm ưu tiên khu vực, đối tượng theo thang điểm 30 như sau:

Nhóm đối tượng ưu tiên	Khu vực			
	3	2	2-NT	1
Không thuộc đối tượng ưu tiên	0	0.25	0.5	0.75
Nhóm ưu tiên 2 (đối tượng 5, 6, 7)	1.0	1.25	1.5	1.75
Nhóm ưu tiên 1 (đối tượng 1, 2, 3, 4)	2.0	2.25	2.5	2.75

6. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

6.1. Lệ phí nộp hồ sơ xét tuyển

- Tuyển sinh đại học chính quy trong nước:

+ Các phương thức xét tuyển: 20.000đồng/nguyên vọng/phương thức tuyển sinh

+ Cộng điểm thưởng: 20.000đồng/hồ sơ

- Tuyển sinh đại học chính quy liên kết đào tạo với nước ngoài:

+ Phương thức xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng): Lệ phí tuyển sinh: 100 USD/ Sinh viên (tương đương với 2.552.500 đồng/sinh viên).

+ Phương thức xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh do Đại học St. Francis, Hoa Kỳ cấp bằng: Lệ phí tuyển sinh: 100 USD/ Sinh viên (tương đương với 2.552.500 đồng/sinh viên).

6.2. Thông tin tài khoản

6.2.1. Thông tin tài khoản tuyển sinh đại học chính quy trong nước:

Chủ tài khoản: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

Số tài khoản: 2601057855

Ngân hàng: BIDV chi nhánh Mỹ Đình

6.2.2. Thông tin tài khoản tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài:

Chủ tài khoản: Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

Số tài khoản: **2229968999**

Ngân hàng: BIDV chi nhánh Thanh Xuân

7. Học phí

7.1. Sinh viên đại học chính quy trong nước

Mức học phí dự kiến áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2025 như sau:

- + Năm học 2025-2026: 4.600.000 đồng/tháng (tương đương 46.000.000 đồng/năm)
- + Năm học 2026-2027: 4.800.000 đồng/tháng (tương đương 48.000.000 đồng/năm)
- + Năm học 2027-2028: 5.000.000 đồng/tháng (tương đương 50.000.000 đồng/năm)
- + Năm học 2028-2029: 5.200.000 đồng/tháng (tương đương 52.000.000 đồng/năm)

7.2. Sinh viên đại học chính quy (ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao):

Mức học phí dự kiến áp dụng cho khóa tuyển sinh năm 2025: 126.000.000 đồng/sinh viên/ khóa học (tương ứng 3.150.000 đồng/tháng; 990.000 đồng/tín chỉ).

7.3. Sinh viên đại học liên kết đào tạo với nước ngoài

7.3.1. Ngành Quản trị kinh doanh liên kết với Đại học Troy, Hoa Kỳ và do Đại học Troy cấp bằng (không áp dụng chính sách miễn giảm học phí)

- Học phí (cho khóa học chuẩn 122 tín chỉ, sinh viên học theo đúng lộ trình 3,5 năm – 10 học kỳ, học toàn phần tại Việt Nam): 362.455.000 đồng/sinh viên (tương đương 14.200 USD);

- Sinh viên trúng tuyển chính thức khóa 24 tuyển sinh Kỳ Thu 2025 được cấp học bổng 11.486.250 đồng/sinh viên (tương đương 450 USD). Học phí cho một khóa học chuẩn đối với sinh viên trúng tuyển chính thức sau khi trừ học bổng là: 350.968.750 đồng (Ba trăm năm mươi triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng – tương đương 13.750 USD).

- Học bổng này được trừ trực tiếp vào các kỳ đóng phí khi sinh viên học tại trường ĐH Kinh tế - ĐHQGHN;

- Phí xét tốt nghiệp: 1.531.500 đồng/sinh viên (tương đương 60 USD) – nộp

trực tiếp cho Đại học TROY khi đăng ký tốt nghiệp.

- Phí tổ chức Lễ tốt nghiệp: 3.828.750 đồng/sinh viên (tương đương 150 USD).
- Hình thức thu các loại phí và học phí: chuyển khoản.
- + Kinh phí đào tạo và các loại phí thu bằng đồng Việt Nam. Mức thu sẽ thay đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thu.
- + Tỷ giá tạm tính: 1 USD tương đương 25.525 VND (tham khảo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ngày 26/12/2024).

7.3.2. Ngành Quản trị kinh doanh liên kết với Đại học St. Francis, Hoa Kỳ và do Đại học St. Francis cấp bằng (không áp dụng chính sách miễn giảm học phí)

- Học phí (cho khóa học chuẩn 121 tín chỉ, sinh viên học theo đúng lộ trình 4 năm tương đương 8 học kỳ, học toàn phần tại Việt Nam): 369.704.100 đồng/sinh viên (tương đương 14.484 USD).

- Sinh viên trúng tuyển chính thức khóa 05 được cấp học bổng 38.287.500 đồng/sinh viên (tương đương 1.500 USD). Học phí cho một khóa học chuẩn đối với sinh viên trúng tuyển chính thức sau khi trừ học bổng là: 331.416.600 đồng (Ba trăm ba mươi một triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm đồng – tương đương 12.984 USD).

- Sinh viên trúng tuyển có điều kiện khóa 05 được cấp học bổng 25.525.000 đồng/sinh viên (tương đương 1.000 USD). Học phí cho một khóa học chuẩn đối với sinh viên trúng tuyển có điều kiện sau khi trừ học bổng là: 344.179.100 đồng (Ba trăm bốn mươi tư triệu một trăm bảy mươi chín nghìn một trăm đồng – tương đương 13.484 USD).

- Học bổng sẽ được giảm trừ trực tiếp vào các kỳ đóng phí khi học tại Trường Đại học Kinh tế.

- Phí xét tốt nghiệp: 3.063.000 đồng/sinh viên (tương đương 120 USD) – nộp trực tiếp cho Đại học St. Francis khi đăng ký tốt nghiệp.

- Phí tổ chức Lễ tốt nghiệp: 5.105.000 đồng/sinh viên (tương đương 200 USD).
- Hình thức thu các loại phí và học phí: chuyển khoản.
- + Kinh phí đào tạo và các loại phí thu bằng đồng Việt Nam. Mức thu sẽ thay đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thu.
- + Tỷ giá tạm tính: 1 USD tương đương 25.525 VND (tham khảo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ngày 26/12/2024).

8. Thời gian, hình thức đăng ký xét tuyển

8.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước

8.1.1. Thời gian tuyển sinh

- Thời gian đăng ký xét tuyển trên Hệ thống xét tuyển đại học¹ và nộp hồ sơ bản giấy² của Trường Đại học Kinh tế: **Từ 8h00 ngày 11/06/2025 đến 24h00 ngày 29/06/2025**

- Thời gian đăng ký xét tuyển trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT: Theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT

- Thời gian xét tuyển: thực hiện theo Kế hoạch của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN

8.1.2. Hình thức tuyển sinh

8.1.2.1. Đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

Theo quy định chung của Bộ GD&ĐT

8.1.2.2. Đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống xét tuyển đại học của Trường Đại học Kinh tế

- Tại địa chỉ **<http://xettuyendaihoc.ueb.edu.vn>**

- Áp dụng đối với các phương thức tuyển sinh sau:

(1) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025;

(2) Xét tuyển chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT;

(3) Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức;

(4) Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT;

- Áp dụng đối với các điều kiện cộng điểm thưởng sau:

(1) Chứng chỉ quốc tế khác (SAT, ACT, A-Level);

(2) Ưu tiên xét tuyển (theo Quy chế của Bộ GD&ĐT và theo Quy định của ĐHQGHN);

(3) Học sinh tham gia Chương trình VNU 12+

Lưu ý: Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin khai báo trên Hệ thống xét tuyển đại học của Trường Đại học Kinh tế. Nếu có sai sót về thông tin dẫn đến không đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh sẽ bị HỦY kết quả trúng

¹ Đăng ký xét tuyển trực tuyến: áp dụng đối với các phương thức tuyển và các điều kiện cộng điểm thưởng tại mục 8.1.2.2

² Nộp hồ sơ bản giấy: áp dụng đối với các phương thức tuyển sinh tại mục 8.1.2.3

tuyển và bị xử lý theo các Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

8.1.2.3. Nộp hồ sơ bản giấy

Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp theo kế hoạch của Nhà trường tại Thông báo tuyển sinh đối với các phương thức tuyển sinh sau:

- (1) Xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao;
- (2) Xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học;
- (3) Xét tuyển lưu học sinh (kết hợp đăng ký trực tuyến trên Hệ thống quản lý lưu học sinh của ĐHQGHN);

8.1.3. Cách thức đăng ký xét tuyển trực tuyến

8.1.3.1. Bước 1: Điền thông tin vào Phiếu đăng ký xét tuyển trực tuyến:

- Thí sinh truy cập vào Hệ thống xét tuyển đại học của Trường Đại học Kinh tế để đăng ký xét tuyển tại địa chỉ: **xettuyendaihoc.ueb.edu.vn**

- Thí sinh điền đầy đủ nội dung Phiếu đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn tại Hệ thống xét tuyển đại học;

8.1.3.2. Bước 2. Cập nhật hồ sơ theo phương thức tuyển sinh hoặc điều kiện cộng điểm thưởng:

8.1.3.2.1. Cập nhật hồ sơ theo phương thức tuyển sinh

Thí sinh lựa chọn và cập nhật hồ sơ theo yêu cầu của từng phương thức tuyển sinh như sau:

(1) PTXT chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT:

Thí sinh chọn 1 trong 2 chứng chỉ sau để cập nhật lên Hệ thống xét tuyển đại học:

- Bản gốc Chứng chỉ IELTS;
- Bản gốc Chứng chỉ TOEFL iBT;

(2) PTXT chứng chỉ tiếng Anh quốc tế kết hợp kết quả học tập bậc THPT:

- Bản gốc học bạ bậc THPT (6 học kỳ)

- Thí sinh chọn 1 trong 2 chứng chỉ sau để cập nhật lên Hệ thống xét tuyển đại học:

- + Bản gốc Chứng chỉ IELTS;
- + Bản gốc Chứng chỉ TOEFL iBT;

(3) PTXT kết quả ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức (HSA):

Thí sinh cập nhật lên Hệ thống xét tuyển đại học bộ hồ sơ sau:

- Bản chính Kết quả thi ĐGNL;

- Bản gốc minh chứng ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có);

(4) Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT:

Thí sinh lựa chọn và cập nhật 1 trong 4 bộ hồ sơ sau lên Hệ thống xét tuyển đại học:

- Bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc tế + Bản sao hợp lệ Quyết định cử tham dự của Bộ GD&ĐT;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế + Nội dung đề tài đạt giải + Bản sao hợp lệ Quyết định cử tham dự của Bộ GD&ĐT;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia + Bản sao hợp lệ Quyết định cử tham dự của Bộ GD&ĐT;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia + Nội dung đề tài đạt giải + Bản sao hợp lệ Quyết định cử tham dự của các Sở GD&ĐT địa phương;

8.1.3.2.2. Cập nhật hồ sơ điều kiện cộng điểm thưởng

Thí sinh lựa chọn và cập nhật 1 trong các chứng chỉ/giải thưởng sau để được cộng điểm thưởng:

(1) Xét tuyển chứng chỉ quốc tế khác (SAT, ACT, A-LEVEL)

Thí sinh lựa chọn 1 trong 3 kết quả/chứng chỉ sau để cập nhật lên Hệ thống xét tuyển đại học:

- Kết quả SAT;
- Kết quả ACT;
- Chứng chỉ A-Level;

(2) Ưu tiên xét tuyển

*** Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế của Bộ GD&ĐT:**

- Thí sinh không dùng quyền xét tuyển thẳng lựa chọn và cập nhật 1 trong 4 bộ hồ sơ tại mục 6 – Xét tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ GD&ĐT nêu trên
- Ngoài ra, thí sinh lựa chọn và cập nhật 1 trong 2 bộ hồ sơ sau:
 - + Bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia + Bản sao hợp lệ Quyết định cử tham dự của Bộ GD&ĐT;

- + Bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia + Nội dung đề tài đạt giải + Bản sao hợp lệ Quyết định cử tham dự của các Sở GD&ĐT địa phương;

*** Ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQGHN:**

- Bản gốc học bạ bậc THPT (6 học kỳ)
- Thí sinh lựa chọn và cập nhật 1 trong 3 bộ hồ sơ sau lên Hệ thống xét tuyển đại học:

- + Bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- + Bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- + Bản gốc Giấy chứng nhận đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương;

*** Học sinh tham gia Chương trình VNU 12+ và tích lũy trước tối thiểu 3 học phần trong chương trình đào tạo đại học:**

Thí sinh cập nhật lên Hệ thống xét tuyển đại học hồ sơ sau:

- (1) Bản gốc học bạ bậc THPT;
- (2) Bản gốc Giấy chứng nhận kết quả tích lũy các học phần trong chương trình đào tạo đại học;

8.1.3.3. Bước 3: Nộp lệ phí đăng ký xét tuyển qua hình thức chuyển khoản:

- Lệ phí:
 - + Các phương thức tuyển sinh: 20.000đồng/nguyên vọng/phương thức tuyển sinh
 - + Các điều kiện cộng điểm thưởng: 20.000 đồng/hồ sơ
- Cách thức nộp lệ phí: **Thí sinh xem Hướng dẫn nộp lệ phí xét tuyển tại**

Hệ thống xét tuyển đại học xettuyendaihoc.ueb.edu.vn

8.1.4. Cách thức nộp hồ sơ bản giấy

8.1.4.1. Xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao: Chi tiết tại Thông báo tuyển sinh ngành QTKD dành cho các tài năng thể thao năm 2025

8.1.4.2. Xét tuyển học sinh dự bị đại học

*** Hồ sơ bao gồm:**

- (1) Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu tại Phụ lục 2).
- (2) Bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp THPT;
- (3) Bản sao hợp lệ học bạ bậc THPT;
- (4) Giấy xác nhận nơi cư trú;

- (5) Bản sao hợp lệ giấy khai sinh;
- (6) Bản chính giấy chứng nhận kết quả điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024;
- (7) Bản sao hợp lệ giấy báo nhập học trường dự bị đại học;
- (8) Bản chính kết quả học tập năm học 2024-2025 tại trường dự bị đại học;

*** Lưu ý khi gửi hồ sơ chuyển phát nhanh:**

Thí sinh ghi rõ ngoài phong bì chuyển phát nhanh thông tin như sau:

- Tên hồ sơ: Tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 - Dự bị đại học;
- Họ và tên thí sinh:....
- Địa chỉ nhận hồ sơ:...

8.1.4.3. Lưu học sinh

(1) Lưu học sinh

*** Hồ sơ gồm:**

- Đơn đăng ký xét tuyển (*theo mẫu tại Phụ lục 3*);
- Bản sao hợp lệ và bản dịch tiếng Việt có xác nhận *hoặc* chứng thực: (1) bằng tốt nghiệp trung học phổ thông *hoặc* tương đương; (2) học bạ; (3) bảng điểm;
- Bản gốc Giấy khám sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền của nước gửi đào tạo hoặc cơ sở y tế cấp tỉnh, thành phố hoặc Trung ương của Việt Nam chứng nhận đủ sức khỏe để học tập và được cấp *không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ*;
- Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ minh chứng về trình độ tiếng Việt hoặc ngoại ngữ tương ứng với ngôn ngữ đào tạo trong chương trình theo quy định;
- Bản gốc hoặc bản sao hợp lệ giấy tờ minh chứng về tài chính/học bổng đảm bảo cho học tập, nghiên cứu và sinh hoạt tại Việt Nam (nếu là lưu học sinh ngoài Hiệp định); cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo;
- Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng theo quy định của Việt Nam;
- Sơ yếu lí lịch bản gốc của lưu học sinh có dán ảnh, xác nhận của cơ quan có thẩm quyền ở nước sở tại hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán;

(2) Thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương ở nước ngoài

- Đơn đăng ký xét tuyển (*theo mẫu tại Phụ lục 4*);
- Bản sao và bản dịch tiếng Việt Kết quả học tập 3 môn học cấp THPT (*theo tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của ngành để học*)

8.2. Tuyển sinh đại học chính quy liên kết đào tạo nước ngoài

8.2.1. Thời gian tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài

- Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học Troy, Hoa Kỳ cấp bằng): Từ ngày 05/01/2025

- Ngành Quản trị kinh doanh (do Đại học St. Francis, Hoa Kỳ cấp bằng): Từ ngày 05/01/2025

8.2.2. Hình thức tuyển sinh đại học liên kết đào tạo với nước ngoài

Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống xét tuyển đại học của Trường Đại học Kinh tế tại địa chỉ <http://xettuyendaihoc.ueb.edu.vn> và nộp hồ sơ theo yêu cầu tại Thông báo của Nhà trường.

9. Các thông tin cần thiết khác

9.1. Tuyển sinh đại học chính quy

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

**** Nguyên tắc xét tuyển chung***

Trường Đại học Kinh tế xét tuyển các nguyện vọng thí sinh đã đăng ký theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ từng ngành.

**** Nguyên tắc xét tuyển PTXT sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025***

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Nhà trường sử dụng các tiêu chí phụ sau:

(1) Tiêu chí phụ 1: Xét trúng tuyển theo điểm từ cao xuống thấp của môn thi Toán.

(2) Tiêu chí phụ 2: Xét trúng tuyển theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Trường.

- Không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển;

**** Nguyên tắc xét tuyển ngành Quản trị kinh doanh dành cho các tài năng thể thao***

- Phương thức xét tuyển 1

Xét tuyển thí sinh căn cứ vào cấp độ, quy mô giải thi đấu từ cao xuống thấp.

- Phương thức xét tuyển 2

Xét tuyển dựa trên kết quả đánh giá hồ sơ đăng ký xét tuyển và phỏng vấn từ cao xuống thấp.

b. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (nếu tuyển sinh theo nhóm ngành):

Trường ĐHKT tuyển sinh theo ngành đối với tất cả các chương trình đào tạo cử nhân.

c. Thông tin chuyên ngành đào tạo, học bổng, hợp tác, trao đổi:

* Thông tin chuyên ngành đào tạo: Chi tiết tại **Phụ lục 6** kèm theo.

* Thông tin học bổng và các chương trình hợp tác, trao đổi: Chi tiết tại **Phụ lục 5** kèm theo.

9.2. Tuyển sinh liên kết đào tạo với nước ngoài

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách, Nhà trường sử dụng tiêu chí phụ: Xét trúng tuyển theo thứ tự nguyện vọng đăng ký xét tuyển vào Trường.

* Tiêu chí phụ áp dụng với phương thức xét theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025

b. Điểm cộng

Tổng điểm cộng, điểm thưởng, điểm khuyến khích (gọi chung là điểm cộng) đối với thí sinh có thành tích đặc biệt (ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN) không vượt quá 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét (tối đa 3 điểm đối với thang điểm 30);

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (nếu tuyển sinh theo nhóm ngành)

Trường ĐHKT tuyển sinh theo ngành đối với tất cả các chương trình đào tạo cử nhân.

10. Thông tin liên hệ

10.1. Địa chỉ trụ sở chính: Nhà E4, số 144 đường Xuân Thủy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

10.2. Địa chỉ trang thông tin điện tử

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: <https://ueb.vnu.edu.vn>

- Địa chỉ các trang mạng xã hội/email:

+ Facebook: www.facebook.com/ueb.edu.vn

+ Email: tuyensinh_ueb@vnu.edu.vn

10.3. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

10.3.1. Tuyển sinh đại học chính quy trong nước

- Tư vấn tuyển sinh:

024.37547506/máy lẻ 666, 888

Hotline tư vấn tuyển sinh: 0913 486 773

- Công tác xét tuyển (trong giờ hành chính):

024.37547506/máy lẻ 305, 306, 315, 325, 514, 554

Hotline tư vấn công tác xét tuyển: 0862 415 556

10.3.2. Tuyển sinh đại học chính quy liên kết đào tạo nước ngoài

Tư vấn tuyển sinh: 024.37547506/máy lẻ 508, 518

Hotline: 03 8535 8535/0926 992 688

Trường Đại học Kinh tế trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Chủ tịch Hội đồng Trường (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.H6.

 **HIỆU TRƯỞNG**
Lê Trung Thành

Phụ lục 1

Bảng quy đổi điểm trúng tuyển theo kết quả thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN tổ chức (HSA) về điểm trúng tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024

*** Thang điểm HSA: 150**

*** Thang điểm thi tốt nghiệp THPT: 30**

Thí sinh sẽ được Nhà trường ghi nhận kết quả quy đổi tổ hợp cao hơn của 1 trong 2 tổ hợp D01 và A01 khi đăng ký xét tuyển theo phương thức đánh giá năng lực.

Điểm HSA	Mã tổ hợp	
	D01	A01
129	28.65	29.12
128	28.60	29.04
127	28.52	28.93
126	28.45	28.81
125	28.37	28.70
124	28.30	28.59
123	28.22	28.47
122	28.15	28.36
121	28.07	28.25
120	28.00	28.13
119	27.92	28.02
118	27.85	27.90
117	27.77	27.79
116	27.70	27.68
115	27.62	27.56
114	27.55	27.45
113	27.51	27.41
112	27.47	27.37
111	27.43	27.33
110	27.38	27.28
109	27.34	27.24
108	27.30	27.20
107	27.22	27.08
106	27.13	26.97
105	27.05	26.85
104	26.97	26.76
103	26.88	26.67
102	26.80	26.58
101	26.72	26.48
100	26.63	26.39
99	26.55	26.30

Điểm HSA	Mã tổ hợp	
	D01	A01
98	26.46	26.18
97	26.37	26.06
96	26.28	25.94
95	26.19	25.82
94	26.10	25.70
93	25.99	25.56
92	25.88	25.42
91	25.78	25.28
90	25.67	25.13
89	25.56	24.99
88	25.45	24.85
87	25.34	24.71
86	25.23	24.57
85	25.12	24.43
84	25.01	24.29
83	24.90	24.15
82	24.70	23.93
81	24.50	23.72
80	24.30	23.50
79	24.15	23.33
78	24.00	23.15
77	23.85	22.98
76	23.70	22.80
75	23.48	22.57
74	23.27	22.33
73	23.05	22.10
72	22.86	21.90
71	22.66	21.70
70	22.47	21.50
69	22.27	21.30
68	22.05	21.06
67	21.84	20.83
66	21.62	20.59
65	21.40	20.35
64	21.15	20.07
63	20.90	19.79
62	20.65	19.51
61	20.40	19.23
60	20.15	18.95
59	19.94	18.72
58	19.74	18.49

Điểm HSA	Mã tổ hợp	
	D01	A01
57	19.53	18.26
56	19.33	18.02
55	19.12	17.79
54	18.92	17.56
53	18.71	17.33
52	18.50	17.10
51	18.30	16.87
50	18.09	16.64
49	17.89	16.40
48	17.68	16.17
47	17.47	15.94
46	17.27	15.71
45	17.06	15.48
44	16.86	15.25
43	16.65	15.02
42	16.45	14.78
41	16.24	14.55
40	16.03	14.32
39	15.83	14.09
38	15.62	13.86
37	15.42	13.63
36	15.21	13.40
35	15.00	13.17
34	14.80	12.93
33	14.59	12.70
32	14.39	12.47
31	14.18	12.24
30	13.98	12.01
29	13.77	11.78
28	13.56	11.55
27	13.36	11.31
26	13.15	11.08
25	12.95	10.85
24	12.74	10.62
23	12.53	10.39
22	12.33	10.16
21	12.12	9.93
20	11.92	9.69
19	11.71	9.46
18	11.51	9.23
17	11.30	9.00

Phụ lục 2

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã hồ sơ: DBĐH.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025
(PTXT xét tuyển thí sinh thuộc các trường dự bị đại học)

Kính gửi: HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2025

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh (viết hoa): 2. Ngày sinh:...../...../.....
3. Giới tính: 4. Nơi sinh: 5. Dân tộc: 6. Quốc tịch:.....
7. Điện thoại:..... 8. Email:.....
9. Số căn cước công dân (đúng với thông tin đăng ký dự thi tốt nghiệp THPT năm 2023):
10. Tên Trường THPT:
 Năm lớp 10: Năm lớp 11:
 Năm lớp 12: Năm tốt nghiệp THPT:.....
11. Tên Trường dự bị đại học:
12. Địa điểm Trường THPT:
 Tỉnh/Thành: Quận/Huyện/Thị xã: , Xã/TT/Phường:

C. KẾT QUẢ HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG DỰ BỊ ĐẠI HỌC

13. Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (yêu cầu điểm của 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển A01, D01, D09, D10 đạt từ 23.5 điểm trở lên)

(Thí sinh chọn 3 môn thuộc 1 trong 4 tổ hợp xét tuyển của Trường Đại học Kinh tế)

STT	Môn thi	Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh	Vật lý	Lịch sử	Địa lý	Tổng (3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển)
1	Điểm							

14. Kết quả các môn học chính khóa trong chương trình dự bị đại học (yêu cầu từ 7.0/10 trở lên):.....
15. Kết quả rèn luyện cả năm dự bị đại học (yêu cầu loại Tốt trở lên):.....

D. ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

16. Đăng ký xét tuyển thẳng vào Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN:

STT	Mã Trường	Mã phương thức xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Nguyên vọng	Tên ngành
1	QHE	303	E33	NV1	
2	QHE	303	E33	NV2	

D. LỆ PHÍ: 30.000 đồng/hồ sơ.

E. THÔNG TIN LIÊN LẠC

17. Họ và tên:.....
18. Điện thoại:..... 19. Email:.....
20. Địa chỉ:.....

Tôi xin cam đoan những thông tin trên Phiếu đăng ký xét tuyển là đúng. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin khai báo trên Hệ thống xét tuyển đại học của Trường Đại học Kinh tế. Nếu có sai sót về thông tin, tôi đồng ý bị HỦY kết quả đăng ký và bị xử lý theo các Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

Kính đề nghị Quý Hội đồng xem xét hồ sơ xét tuyển của tôi.

Trân trọng.

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh
của Trường

đã khai đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2025

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2025

Chữ ký của thí sinh

(thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

.....



Phụ lục 3

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI
UNIVERSITY OF ECONOMICS AND BUSINESS (UEB)

Dán ảnh cỡ 4x6

Attach your photo
size 4x6

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC
DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI HỌC TẬP TẠI VIỆT NAM

APPLICATION FORM
FOR INTERNATIONAL APPLICANTS TO STUDY IN VIETNAM

Điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (x) vào các ô tương ứng.

Ghi họ tên bằng chữ in hoa./

Please fill in the blanks or tick (x) appropriate boxes. Write your full name in **BLOCK** letters.

1	Họ/Family name	Tên đệm/ Middle name	Tên/First name
2	Ngày sinh/Date of birth:	Ngày/Day.....tháng/month.....năm/year.....	
3	Giới tính/Gender:	☐ Nam/Male	☐ Nữ/Female
4	Nơi sinh/Place of birth:	Thành phố/City..... Nước/Country.....	
5	Quốc tịch/Nationality:		
6	Nghề nghiệp/Occupation:		
7	Tôn giáo/Religion:		
8	Hộ chiếu/Passport:	Số/Number	Nơi cấp/Place of issue
		Ngày cấp/Date of issue	Ngày hết hạn/Expiry date
9	Tình trạng hôn nhân/ Marital status:	☐ Độc thân/Single ☐ Đã kết hôn/Married	
10	Tiếng mẹ đẻ/Native language:		
11	Địa chỉ liên hệ trong nước/ Home country contact address:		
12	Điện thoại nhà riêng trong nước/ Home phone number in your home country:		
13	Người liên hệ khi cần báo tin trong nước/ Contact person in your home country in case of emergency:		

	Họ tên/ <i>Full name</i>		Quan hệ/ <i>Relationship</i>	
	Địa chỉ nơi ở/ <i>Residential address</i>		Nơi làm việc/ <i>Place of work</i>	
	Điện thoại/ <i>Phone number</i>		Email	
14	Quá trình học tập/ <i>Educational background:</i>			
	Năm học <i>Academic year</i>	Cơ sở đào tạo <i>Institution</i>	Ngành học <i>Field of Study</i>	Văn bằng, chứng chỉ <i>Qualifications</i>
				
				
15	Tự đánh giá trình độ tiếng Việt/ <i>Self assessed Vietnamese language proficiency:</i>			
	☐ Không biết tiếng Việt/ <i>Zero Vietnamese proficiency</i> ☐ Biết tiếng Việt/ <i>Some Vietnamese Proficiency</i> Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/ <i>Tick appropriate box in the next column:</i>		☐ Sơ cấp/ <i>Elementary</i> ☐ Trung cấp/ <i>Intermediate</i> ☐ Cao cấp/ <i>Advanced</i>	
	Nếu bạn đã học ở Việt Nam bằng tiếng Việt, hãy điền các thông tin dưới đây/ <i>If you have studied in Vietnam in Vietnamese, complete all following required information:</i>			
	Tên các trường đã học/ <i>Names of institutions attended:</i>			
	Tổng thời gian đã học/ <i>Total length of study:</i>		 giờ/ <i>hours</i> tháng/ <i>months</i> năm/ <i>years</i>	
	Chứng nhận trình độ tiếng Việt/ <i>Certificate of Vietnamese language proficiency</i>		☐ Không/ <i>No</i> ☐ Có/ <i>Yes</i> Trình độ/ <i>Level:</i>	
	Loại văn bằng tốt nghiệp đã được cấp/ <i>Types of qualifications awarded:</i>		☐ THPT/ <i>Highschool</i> ☐ Cao đẳng/ <i>College</i> ☐ Đại học/ <i>Bachelor</i> ☐ Thạc sĩ/ <i>Master</i> ☐ Tiến sĩ/ <i>Doctor</i>	
16	Trình độ tiếng Anh/ <i>English Language Proficiency:</i>			
	☐ Không biết tiếng Anh/ <i>Zero English proficiency</i> ☐ Biết tiếng Anh/ <i>Some English proficiency</i> Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh/ <i>Tick appropriate box in the next column:</i>		☐ Sơ cấp/ <i>Elementary</i> ☐ Trung cấp/ <i>Intermediate</i> ☐ Cao cấp/ <i>Advanced</i>	
17	Ngoại ngữ khác/ <i>Other languages</i> Trình độ/ <i>Level:</i> Trình độ/ <i>Level:</i>			
18	Khóa học đăng ký/ <i>Proposed Study Program</i> ☐ Đại học/ <i>Bachelor</i>			
19	Ngành đào tạo đăng ký/ <i>Proposed field of study:</i>			
20	Thời gian học/ <i>Proposed period of study (Duration)</i> ☐ Từ/ <i>From:</i> ngày/ <i>day</i> tháng/ <i>month</i> năm/ <i>year</i> .			

	☐ Đến/To:ngày/daytháng/month..... năm/year .		
21	Ngôn ngữ đăng kí sử dụng cho khóa học/ <i>Proposed language medium for study</i> : ☐ Tiếng Việt/ <i>Vietnamese</i> ☐ Tiếng Anh/ <i>English</i> ☐ Ngôn ngữ khác/ <i>Other language</i> :.....		
22	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có)/ <i>Your family members living in Vietnam (if any)</i> :		
	Họ tên/ <i>Full name</i>	Quan hệ/ <i>Relationship</i>	Địa chỉ/ <i>Address</i>
	1.....		
	...		
	2.....		
	...		
23	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/ <i>Source of funding for your study in Vietnam</i> : ☐ Học bổng chính phủ Việt Nam/ <i>Vietnamese Government Scholarship</i> ☐ Học bổng khác/ <i>Other Scholarship</i> ☐ Tự túc kinh phí/ <i>Self-funding</i>		
24	Tôi, người kí tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng kí này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lí lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam. <i>I, the undersigned, hereby acknowledge that all the information on this Application form is true and correct to the best of my knowledge. I hereby undertake to comply strictly with all the laws and the regulations of the Vietnamese Government, all regulations applicable to international students studying in Vietnam, all regulations of the educational institutions and accommodation providers throughout my stay in Vietnam.</i>		
Ngày/Day.....tháng/month.....năm/year.....			
Kí tên/ <i>Applicant's signature</i> :.....			



Phụ lục 4

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Dán ảnh cỡ 4x6

ĐƠN ĐĂNG KÝ HỌC DÀNH CHO NGƯỜI VIỆT NAM ĐÃ TỐT NGHIỆP THPT HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG Ở NƯỚC NGOÀI

Điền đầy đủ thông tin vào chỗ trống hoặc đánh dấu (x) vào các ô tương ứng.
Ghi họ tên bằng chữ in hoa./

1	Họ và tên:			
2	Ngày sinh:			
3	Giới tính:	☐ Nam	☐ Nữ	
4	Nơi sinh:	Thành phố:	Nước:	
5	Quốc tịch:			
7	Tôn giáo/Religion:			
8	Hộ chiếu/Passport:	Số.....	Nơi cấp.....	
		Ngày cấp.....	Ngày hết hạn:	
9	Địa chỉ liên hệ trong nước:			
10	Điện thoại trong nước:			
11	Người liên hệ khi cần báo tin trong nước:			
	Họ tên:.....			
	Địa chỉ nơi ở:.....			
	Điện thoại:.....	Email:		
12	Quá trình học tập:			
	Năm học	Cơ sở đào tạo	Ngành học	Văn bằng, chứng chỉ
				
				
				
				

13	Kết quả học tập 3 môn bậc THPT (theo tổ hợp xét tuyển của Trường):		
	1. Môn.....: 2. Môn.....: 3. Môn.....:		
14	Trình độ tiếng Anh: ☐ Không biết tiếng Anh ☐ Biết tiếng Anh Chọn trình độ tương ứng ở cột bên cạnh		
	☐ Sơ cấp ☐ Trung cấp ☐ Cao cấp		
15	Ngoại ngữ khác Trình độ:..... Trình độ:		
16	Ngành đào tạo đăng ký:		
17	Thành viên trong gia đình đang ở Việt Nam (nếu có):		
	Họ tên	Quan hệ	Địa chỉ
	1.....		
	...		
	2.....		
	...		
18	Chi phí trong thời gian học tập tại Việt Nam/ <i>Source of funding for your study in Vietnam:</i> ☐ Học bổng chính phủ Việt Nam/ <i>Vietnamese Government Scholarship</i> ☐ Học bổng khác/ <i>Other Scholarship</i> ☐ Tự túc kinh phí/ <i>Self-funding</i>		
19	Tôi, người kí tên dưới đây, xin cam đoan tất cả thông tin tôi ghi trong Phiếu đăng kí này là hoàn toàn trung thực và chính xác. Tôi xin cam kết tuân thủ Pháp luật của Việt Nam, Quy chế quản lí lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam và nội quy, quy định của cơ sở đào tạo, cơ sở nội trú trong suốt thời gian lưu học tại Việt Nam.		
Ngàythángnăm Kí tên:.....			

Phụ lục 5

**DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC NĂM 2025**

STT	Ngành đào tạo	Chuyên ngành đào tạo
1	Ngành Quản trị kinh doanh	
		Quản trị kinh doanh và phát triển doanh nghiệp
		Quản trị Marketing, Truyền thông và Thương hiệu
		Quản trị nhân lực
		Quản trị kinh doanh khách sạn và lữ hành
2	Ngành Tài chính – Ngân hàng	
		Tài chính doanh nghiệp
		Ngân hàng và công nghệ tài chính
		Quản trị rủi ro và bảo hiểm
		Tài chính và đầu tư
3	Ngành Kế toán	
		Kế toán định hướng nghề nghiệp quốc tế
		Kiểm toán
		Phân tích kinh doanh
4	Ngành Kinh tế quốc tế	
		Thương mại quốc tế
		Kinh doanh quốc tế và phát triển thị trường toàn cầu
		Logistics và Chuỗi cung ứng toàn cầu
5	Ngành Kinh tế	
		Kinh tế chính trị và Ngoại giao
		Kinh tế truyền thông và báo chí
		Kinh tế số và quản lý
		Quản lý kinh tế
6	Ngành Kinh tế phát triển	
		Kinh tế du lịch và dịch vụ
		Kinh tế Tài nguyên, Môi trường và Bất động sản
		Phân tích dữ liệu kinh tế và chính sách
		Kinh tế đầu tư và phát triển
		Hệ thống thông tin kinh tế và khoa học dữ liệu

PHỤ LỤC 6

THÔNG TIN HỌC BỔNG VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC, TRAO ĐỔI

1. Thông tin học bổng

Hàng năm Nhà trường có nhiều loại học bổng dành cho sinh viên và sinh viên hệ liên kết quốc tế.

1.1. Học bổng dành cho sinh viên hệ chính quy trong nước:

Học bổng khuyến khích học tập (KKHT) và Học bổng được tài trợ từ các tổ chức, cá nhân, đối tác trong và ngoài nước của ĐHQGHN và của Nhà trường (gọi chung là Học bổng Nhà tài trợ).

(1) Học bổng khuyến khích học tập: trao hàng kỳ và có giá trị lớn, sinh viên đủ điều kiện, đáp ứng tiêu chí sẽ nhận được học bổng. Dự kiến năm 2025 Quỹ học bổng KKHT khoảng 17 tỷ.

(2) Học bổng Nhà tài trợ:

Hàng năm, có trên 20 chương trình học bổng được các doanh nghiệp, tập đoàn tài trợ cho sinh viên với tổng giá trị lên tới hàng tỷ đồng. Những sinh viên đạt được những thành tích trong học tập, nghiên cứu khoa học, công tác xã hội hoặc có hoàn cảnh khó khăn sẽ có nhiều cơ hội được nhận học bổng, cụ thể sau:

STT	Tên học bổng	STT	Tên học bổng
1	Học bổng Đinh Thiện Lý	13	Học bổng Ươm tạo nhà khoa học trẻ KBSV-ĐHQGHN
2	Học bổng Kumho Asiana, Nhật Bản	14	Học bổng BIDV
3	Học bổng Lotte, Hàn Quốc	15	Học bổng K-T
4	Học bổng Posco, Hàn Quốc	16	Học bổng Annex
5	Học bổng Toshiba, Nhật Bản	17	Học bổng ADF, Hàn Quốc
6	Học bổng PonyChung, Hàn Quốc	18	Học bổng Đinh Thiện Lý
7	Học bổng Yamada, Nhật Bản	19	Học bổng Nitori, Nhật Bản
8	Học bổng Shinryo, Nhật Bản	20	Học bổng cựu sinh viên
9	Học bổng Đồng hành Vingroup-ĐHQGHN	21	Học bổng Nâng bước thủ khoa
10	Học bổng Mitsubishi, Nhật Bản	22	Học bổng Sacombank
11	Học bổng Nguyễn Trường Tộ	23	Học bổng Học bổng Sinh viên Tài năng IMG-ĐHQGHN
12	Học bổng Kova	24	Học bổng UEB

1.2. Học bổng dành cho sinh viên đại học liên kết đào tạo với nước ngoài: sinh viên đủ điều kiện, đáp ứng tiêu chí sẽ nhận được học bổng. Mức cấp học bổng đối với từng loại học bổng KKHT và học bổng tài năng được cập nhật hàng kỳ.

1.3. Quỹ hỗ trợ sinh viên và gói vay vốn BIDV nộp học phí:

Đối với sinh viên có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, Nhà trường có Quỹ hỗ trợ sinh viên hàng kỳ và gói vay vốn nộp học phí của BIDV lên tới 50 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi và quỹ học bổng 80 triệu/năm để sinh viên trả lãi suất vay vốn (lãi vay 0 đồng).

2. Các chương trình hợp tác, trao đổi

2.1. Danh sách các chương trình trao đổi sinh viên quốc tế

Bảng 1: Danh sách đối tác của Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN

STT	Trường	Quốc gia
1	Oita University	Nhật Bản
2	Akita International University	Nhật Bản
3	Yokohama National University	Nhật Bản
4	Waseda University	Nhật Bản
5	Saga University	Nhật Bản
6	HNU	Đức
7	Philipps University Marburg School of Business and Economics	Đức
8	Regensburg University	Đức
9	Ostbayerische Technische Hochschule (OTH) Regensburg (ĐH Ứng dụng Regensburg)	Đức
10	National Chengchi University	Đài Loan
11	Đại học Khoa học công nghệ Quốc gia Đài Loan	Đài Loan
12	ĐH Quốc lập Trung Sơn (National Sun Yat Sen University)	Đài Loan
13	National Chungcheng University	Đài Loan
14	Southern Taiwan University of Science and Technology (STUST)	Đài Loan
15	Rennes I University	Pháp
16	IPAG Business School	Pháp
17	Đại học Aix-Marseille	Pháp
18	Kedge	Pháp
19	Chung-Ang University	Hàn Quốc
20	ĐH Yonsei	Hàn Quốc
21	CT Bauer	Mỹ
22	Kelley	Mỹ

STT	Trường	Quốc gia
23	Cracow University of Economics	Ba Lan
24	SGH Warsaw School of economics	Ba Lan
25	ĐH Civitas	Ba Lan
26	The University of Economics and Human Sciences in Warsaw (UEHS)	Ba Lan
27	Southern Denmark University	Đan Mạch
28	Jindal Global University	Ấn Độ
29	Khoa Luật, ĐH Masaryk	CH Séc
30	ĐH Rangsit	Thái Lan
31	Financial University	Nga
32	Đại học Salento	Ý

Bảng 2: Danh sách đối tác của Đại học Quốc gia Hà Nội

STT	Tên trường	Quốc gia
1	Kanazawa University	Nhật Bản
2	Kyoto University	
3	Waseda University	
4	Tohoku University	
5	Daito Bunka University (*)	
6	Fukuoka Women's University (*)	
7	Kyushu University	
8	Osaka University	
9	Kansai University (*)	
10	CHUO University - Đại học	
	CHUO University - Sau Đại học	
11	Soka University	
12	Kanagawa University (*)	
13	Seoul National University	Hàn Quốc
14	Sciences Po	Pháp
15	Koc University	Thổ Nhĩ Kỳ
16	National Teipei University	Đài Loan
17	National Tsing Hua University	
18	University of Zurich (*)	Thụy Sĩ
19	Charles University	CH Séc

2.2. Chương trình chuyển tiếp

1. Chương trình chuyển tiếp lấy bằng cử nhân Đại học Middlesex (MDX), Anh Quốc.
2. Chương trình chuyển tiếp lấy bằng cử nhân Đại học O.P. Jindal Global, Ấn Độ.
3. Chương trình chuyển tiếp lấy bằng cử nhân Đại học Essex, Anh Quốc.
4. Chương trình chuyển tiếp lấy bằng cử nhân Đại học Adelaide, Australia.
5. Chương trình chuyển tiếp lấy bằng cử nhân Đại học Monash, Australia.
6. Chương trình chuyển tiếp lấy bằng cử nhân Đại học Troy, Hoa Kỳ.
7. Chương trình chuyển tiếp lấy bằng cử nhân Đại học St. Francis, Hoa Kỳ.
8. Chương trình chuyển tiếp lấy bằng cử nhân Đại học Minnesota Duluth, Hoa Kỳ.

